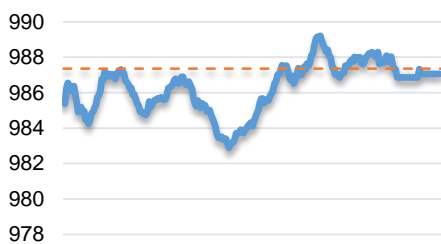


Diễn biến thị trường trong phiên

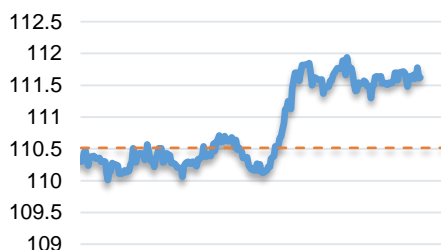
Rating	VNI	HNI	UPCOM
<b>Điểm</b>	987.05	111.62	51.59
% ngày	(0.03)	1.00	0.34
% tuần	1.88	3.33	0.24
% tháng	5.67	5.75	3.09
% năm	28.23	9.13	(4.92)
<b>GTGD (Tỷ đồng)</b>			
Trong ngày	3,201.63	472.01	168.31
Hôm qua	3,527.12	569.16	163.65
TB 1 tháng	3,562.98	554.37	234.52
<b>Khối ngoại (Tỷ đồng)</b>			
Mua	732.64	49.59	16.54
Bán	778.74	6.46	17.08
Giá trị ròng	(46.10)	43.13	(0.54)
<b>Độ rộng TT</b>			
Mã Tăng	147	84	98
Mã Giảm	125	76	66
Không Đổi	81	224	570
<b>Chỉ số chính</b>			
P/E	17.8x	10.4x	9.8x
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,153	197	848
LS Cổ tức	1.85	2.46	4.03

Nguồn: Bloomberg – Yuanta Retail Research

**VNINDEX**



**HNX INDEX**



**DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG**

Ngưỡng kháng cự ở mốc 990 điểm vẫn không bị phá vỡ vì áp lực bán của thị trường trong phiên, dòng tiền có quay lại thị trường vào phiên chiều tuy nhiên vẫn không đủ mạnh để có thể đẩy chỉ số VN-Index quay về mức tham chiếu. Chỉ số VN-Index giảm nhẹ 0.03% đóng cửa ở gần mức tham chiếu 987 điểm, chỉ số HNX-Index tăng mạnh 1% lên mức 111.6 điểm và chỉ số Upcom-Index đóng cửa sát mức tham chiếu là 51.6 điểm và giảm nhẹ 0.34%.

Thanh khoản trong phiên có những chuyển biến tích cực trong phiên với tổng giá trị giao dịch trên 3 sàn hơn 5,000 tỷ đồng. Tuy nhiên sự thiếu đồng thuận giữa các Bluechips nên các chỉ số vẫn không tăng mạnh. Trong khi SAB, VJC, PLX, PNJ, GAS, FPT, HPG tăng điểm thì BVH, MSN, VIC, VHM cũng như các cổ phiếu ngân hàng VCB, VPB, TCB... đồng loạt giảm điểm.

Điểm sáng trên thị trường hôm nay là nhóm bất động sản, xây dựng với nhiều cổ phiếu tăng điểm như FCN, FLC, KDH, CEO, CTD, DIG, VPI, NVL, PC1, NLG... Bên cạnh đó, nhóm dầu khí GAS, PVS, PVD, PGD, PVB,... cũng tăng điểm khá tốt nhờ vào đà tăng của giá dầu Brent.

Khối ngoại bán ròng trên toàn thị trường rất ít chỉ gần 3.5 tỷ đồng trong phiên cuối tuần. Lượng bán ròng lớn nhất vẫn tập trung ở các cổ phiếu họ nhà Vingroup với tổng giá trị lên tới 107 tỷ đồng. Các quỹ ETF cũng có những động thái mua ròng liên tục nhiều cổ phiếu trên sàn trong phiên. Các nhà đầu tư ngoại vẫn quay lại mua ròng ở các mã như HPG, CTD, SBT, HDB, PVS, CEO.

**NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG**

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ duy trì đà tăng trong các phiên giao dịch đầu tuần và khối lượng giao dịch sẽ có chiều hướng tăng dần trong tuần giao dịch tới. Điểm tích cực chúng tôi nhận thấy là chỉ số HNX-Index đang bước vào giai đoạn biến động mạnh theo chiều hướng tích cực cả về điểm số và thanh khoản. Đồng thời, rủi ro ngắn hạn vẫn ở mức thấp và tâm lý nhà đầu tư tiếp tục lạc quan với xu hướng hiện tại.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số và giữ mức chốt lỗ của hệ thống ở mức 962.64 điểm của chỉ số VN-Index và 106.36 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể nhịp điều chỉnh để gia tăng tỷ trọng cổ phiếu và ưu tiên nắm giữ nhóm cổ phiếu Largecaps và Midcaps.

Theo đồ thị tuần, thị trường tiếp tục có tuần tăng điểm với khối lượng giao dịch cải thiện và thị trường cũng đang bước vào giai đoạn tích lũy cho nên thị trường có thể sẽ còn xuất hiện các nhịp rung lắc ở các phiên trong tuần giao dịch tới. Đồng thời, xu hướng trung hạn vẫn duy trì ở mức GIẢM với mức kháng cự của hệ thống ở mức 1021 điểm của chỉ số VN-Index và 115.39 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, nếu các nhà đầu tư trung hạn chấp nhận rủi ro thì có thể tăng dần tỷ trọng cổ phiếu theo mức khuyến nghị. Ở vị thế an toàn, các nhà đầu tư trung hạn tiếp tục đứng ngoài thị trường.

**Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn:** 59% cổ phiếu/41% tiền mặt.

**Tỷ trọng khuyến nghị trung hạn:** 35% cổ phiếu/65% tiền mặt.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create Fortune

## BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	<b>TĂNG</b>	<b>GIẢM</b>	997.0	1044.0	915.0	895.0
Chỉ số HNX-Index	<b>TĂNG</b>	<b>GIẢM</b>	112.5	121.0	96.5	92.0



We Create Fortune

**BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU**

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	17.15	TĂNG	GIẢM	17.15	17.14	0.00%	MUA		19.63		
ACB	38.80	TĂNG	GIẢM	35.60	35.66	8.99%			41.80		
ACV	85.10	GIẢM	GIẢM		88.21				95.72		
BFC	25.90	TĂNG	GIẢM	27.00	25.15	-4.07%			28.97		
BHN	81.10	GIẢM	GIẢM		86.79				107.32		
BID	33.40	TĂNG	TĂNG	25.80	30.25	29.46%		33.40	31.14	0.00%	MUA
BMP	53.50	GIẢM	GIẢM		55.43				62.64		
BSR	16.60	GIẢM	GIẢM		18.13				19.99		
BVH	88.10	TĂNG	GIẢM	78.00	83.10	12.95%			91.06		
BWE	18.50	TĂNG	GIẢM	17.70	17.44	4.52%			19.20		
CEO	15.30	TĂNG	GIẢM	13.40	13.17	14.18%			15.95		
CHP	23.00	GIẢM	TĂNG		23.45			23.50	22.03	-2.13%	
CSM	14.35	TĂNG	TĂNG	14.25	13.65	0.70%		14.39	12.77	-0.28%	
CTD	160.00	TĂNG	TĂNG	149.50	147.78	7.02%		161.20	128.54	-0.74%	
CTG	26.10	TĂNG	GIẢM	24.00	24.55	8.75%			28.07		
CTI	31.90	TĂNG	GIẢM	30.50	28.88	4.59%			33.12		
CVT	25.85	TĂNG	GIẢM	25.85	24.60	0.00%			29.58		
DCM	10.15	TĂNG	GIẢM	11.05	10.00	-8.14%			10.69		
DGW	25.35	TĂNG	GIẢM	23.90	23.90	6.07%			26.51		
DHA	26.95	GIẢM	GIẢM	28.00	26.99	-3.61%	BÁN		28.49		
DHC	38.70	GIẢM	GIẢM		40.34				43.99		
DHG	96.00	GIẢM	TĂNG		99.81			114.49	95.93	-16.15%	
DPG	46.30	TĂNG	GIẢM	40.90	40.45	13.20%			50.13		
DPM	17.75	TĂNG	GIẢM	17.70	17.44	0.28%			18.72		
DPR	37.00	TĂNG	GIẢM	37.50	36.08	-1.33%			39.04		
DQC	28.40	GIẢM	GIẢM		29.44				31.92		
DRC	26.85	TĂNG	TĂNG	25.85	24.67	3.87%		24.30	19.87	10.49%	
DXG	27.80	TĂNG	GIẢM	23.75	26.25	17.05%			29.38		
ELC	8.55	GIẢM	GIẢM		9.18				10.91		
FCN	16.80	TĂNG	TĂNG	16.25	15.46	3.38%		17.70	13.88	-5.08%	
FIT	4.05	GIẢM	GIẢM		4.30				5.18		
FMC	23.30	TĂNG	GIẢM	21.20	22.29	9.91%			23.95		
FPT	44.45	TĂNG	GIẢM	42.90	42.76	3.61%			45.46		
GAS	101.50	TĂNG	GIẢM	101.50	100.94	0.00%	MUA		103.15		
GEX	30.50	TĂNG	TĂNG	30.60	28.65	-0.33%		30.10	24.67	1.33%	
GIL	46.80	TĂNG	TĂNG	41.65	45.31	12.36%		34.90	41.22	34.10%	
GMD	27.15	TĂNG	GIẢM	25.40	25.09	6.89%			28.65		
GTN	11.05	GIẢM	TĂNG		11.71			11.20	9.83	-1.34%	



We Create Fortune

HAG	6.90	GIẢM	TĂNG		7.57			6.19	5.86	11.47%	
HAX	15.60	GIẢM	GIẢM		16.04				18.67		
HBC	22.90	TĂNG	GIẢM	22.95	21.62	-0.22%			27.24		
HDB	36.00	GIẢM	GIẢM		37.30				42.35		
HNG	15.90	GIẢM	TĂNG		16.26			8.20	14.10	93.90%	
HPG	38.35	TĂNG	GIẢM	37.20	36.56	3.09%			42.50		
HSG	10.75	GIẢM	GIẢM		11.17				13.38		
HT1	12.60	TĂNG	GIẢM	11.75	12.12	7.23%			12.91		
HUT	5.40	GIẢM	GIẢM		5.48				6.72		
HVN	39.20	TĂNG	TĂNG	33.00	37.12	18.79%		39.20	30.48	0.00%	
ITD	11.80	GIẢM	TĂNG		12.09			12.40	11.14	-4.84%	
KBC	12.45	TĂNG	GIẢM	12.10	11.93	2.89%			13.24		
KDH	29.80	GIẢM	GIẢM		30.14				33.03		
KSB	29.50	GIẢM	GIẢM		30.13				33.01		
LCG	9.64	TĂNG	GIẢM	9.46	9.30	1.90%			10.06		
LDG	15.00	TĂNG	GIẢM	15.00	14.76	0.00%	MUA		15.06		
LIX	40.50	GIẢM	GIẢM		41.42				44.18		
LPB	9.50	GIẢM	GIẢM		10.02				11.99		
LSS	6.44	GIẢM	GIẢM		6.85				7.75		
MSN	90.60	TĂNG	TĂNG	79.10	87.48	14.54%		90.60	90.22	0.00%	MUA
MWG	121.00	TĂNG	TĂNG	112.00	115.97	8.04%		121.00	104.78	0.00%	
NKG	13.45	GIẢM	GIẢM		14.19				17.00		
NLG	30.30	TĂNG	GIẢM	29.80	28.97	1.68%			31.83		
NT2	26.45	GIẢM	GIẢM		27.01				28.69		
NTL	9.60	TĂNG	TĂNG	10.35	9.59	-7.25%		10.45	8.94	-8.13%	
NTP	45.00	GIẢM	GIẢM		45.55				51.18		
PAC	40.20	TĂNG	GIẢM	40.20	39.95	0.00%	MUA		42.18		
PC1	25.50	GIẢM	GIẢM		26.85				29.68		
PDR	26.40	TĂNG	GIẢM	26.60	24.95	-0.75%			29.12		
PGC	14.30	TĂNG	GIẢM	14.35	13.90	-0.35%			15.68		
PHR	26.00	TĂNG	TĂNG	21.90	23.63	18.72%		24.00	20.43	8.33%	
PLX	68.00	TĂNG	TĂNG	60.50	62.03	12.40%		68.00	67.88	0.00%	MUA
PNJ	103.90	TĂNG	TĂNG	90.30	97.22	15.06%		103.90	102.31	0.00%	MUA
POW	13.10	TĂNG	GIẢM	13.00	12.91	0.77%			13.91		
PPC	18.30	TĂNG	GIẢM	18.50	17.71	-1.08%			19.21		
PTB	60.90	TĂNG	TĂNG	60.00	56.01	1.50%		64.00	53.16	-4.84%	
PVD	15.55	GIẢM	TĂNG		15.67			16.35	11.75	-4.89%	
PVI	29.20	TĂNG	GIẢM	29.90	28.37	-2.34%			33.71		
PVS	20.70	TĂNG	TĂNG	17.00	18.87	21.76%		20.90	14.67	-0.96%	
PXS	6.10	GIẢM	TĂNG		6.15			6.19	4.57	-1.45%	
RAL	91.00	TĂNG	GIẢM	91.00	85.59	0.00%			102.96		
REE	36.40	TĂNG	TĂNG	36.40	33.82	0.00%		36.40	34.97	0.00%	MUA
SAB	213.00	TĂNG	GIẢM	208.00	203.33	2.40%			233.02		



We Create Fortune

SAM	7.16	TĂNG	GIẢM	7.16	7.10	0.00%	MUA		7.59		
SBV	25.00	GIẢM	GIẢM		27.51				29.26		
SCR	9.60	TĂNG	GIẢM	9.35	8.92	2.67%			10.30		
SHI	6.29	GIẢM	TĂNG		6.31			6.99	5.88	-10.01%	
SJS	20.50	TĂNG	GIẢM	19.70	19.17	4.06%			21.87		
SKG	23.10	TĂNG	TĂNG	20.05	21.52	15.21%		23.10	21.27	0.00%	MUA
SSI	30.20	TĂNG	GIẢM	29.55	29.12	2.20%			34.19		
STB	11.30	TĂNG	GIẢM	11.20	11.04	0.89%			12.71		
SVC	44.90	GIẢM	GIẢM		46.14				49.74		
TCB	26.60	TĂNG	TĂNG	28.50	25.99	-6.67%		18.40	4.60	44.57%	
TCM	21.60	TĂNG	TĂNG	17.80	20.21	21.35%		21.60	20.79	0.00%	MUA
TDH	11.50	GIẢM	GIẢM		11.68				13.15		
TLH	7.28	GIẢM	GIẢM		7.47				8.32		
TMT	7.17	GIẢM	GIẢM		7.45				7.28		
TNG	11.60	TĂNG	GIẢM	10.80	11.09	7.41%			11.90		
TYA	10.50	GIẢM	GIẢM		11.04				12.27		
VCB	62.00	TĂNG	GIẢM	57.50	59.68	7.83%			64.41		
VFG	37.40	GIẢM	TĂNG		38.63			34.39	33.47	8.74%	
VGC	17.30	GIẢM	GIẢM		17.74				21.50		
VHM	111.50	TĂNG	N/A	111.90	106.60	-0.36%					
VIB	28.40	TĂNG	GIẢM	27.60	27.37	2.90%			30.67		
VIC	104.00	GIẢM	TĂNG		107.45			111.50	92.44	-6.73%	
VIP	7.00	TĂNG	GIẢM	6.95	6.88	0.72%			7.29		
VJC	151.80	TĂNG	GIẢM	144.50	145.08	5.05%			154.12		
VNM	162.20	TĂNG	GIẢM	163.00	157.55	-0.49%			175.10		
VPB	25.05	GIẢM	GIẢM		27.08				33.19		
VRC	22.90	TĂNG	TĂNG	17.75	21.59	29.01%		19.35	17.99	18.35%	
VRE	40.70	GIẢM	GIẢM		41.47				44.98		
VSC	40.60	TĂNG	TĂNG	35.50	38.60	14.37%		35.30	34.14	15.01%	
VSH	17.20	GIẢM	TĂNG		17.73			17.40	16.64	-1.15%	



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)		
	Điểm	Chg%
VNI	987.05	(0.03)
VN30	960.42	(0.05)
VN Mid	1,018.70	0.08
VN Small	815.04	0.30

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	732.64	
Bán	778.74	
GT rỗng	(46.10)	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
BMI	1,350	7.0%
DPG	2,900	6.7%
PVD	750	5.1%
FCN	550	3.4%
CTD	5,000	3.2%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
BVH	(2,900)	-3.2%
FTM	(400)	-2.6%
TGG	(750)	-2.6%
ITA	(70)	-2.5%
TCH	(600)	-2.0%

\*GTVH > 500 tỷ đồng, GTGD > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	331,929	
VHM	298,777	
VNM	235,385	
VCB	223,062	
GAS	194,266	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
FLC	11.13	16.24
CTG	8.36	5.87
SBT	5.91	2.79
HPG	5.68	5.48
SCR	5.51	2.30

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)		
	Điểm	Chg%
HNI	111.62	1.00
HN30	200.01	1.05
VNX AllSh	1,381.51	0.05

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	49.59	
Bán	6.46	
GT rỗng	43.13	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
CEO	1,200	8.5%
VIX	400	5.4%
VCG	900	5.1%
AMV	600	3.0%
PVS	600	3.0%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DBC	(700)	-2.7%
SHB	(100)	-1.2%
TNG	(100)	-0.9%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	42,078	
VCS	14,400	
SHB	10,106	
PVS	9,247	
VCG	8,172	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
PVS	7.90	9.57
ACB	7.61	10.35
SHB	5.39	8.08
CEO	3.92	1.34
VCG	2.31	1.67

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%
UPCoM	51.59	0.34

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	16.54	
Bán	17.08	
GT rỗng	(0.54)	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
ACV	1,700	2.0%
QNS	700	1.8%
MCH	1,500	1.5%
HVN	200	0.5%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SSN	(700)	-4.6%
BSR	(200)	-1.2%
VIB	(300)	-1.0%
POW	(100)	-0.8%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	185,274	
MCH	52,507	
BSR	51,468	
HVN	48,989	
GVR	32,000	

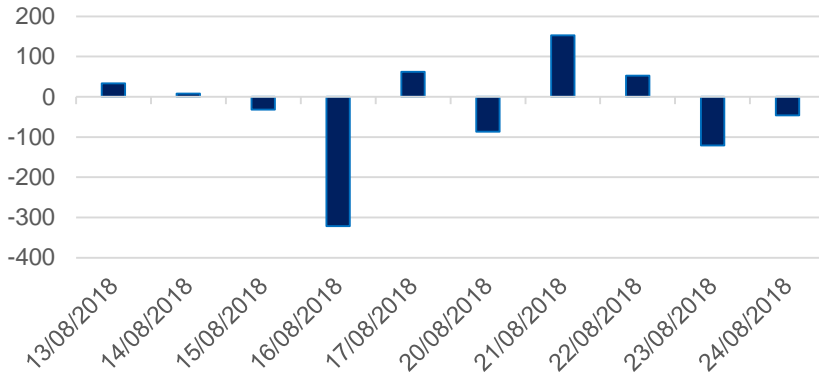
KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
BSR	1.28	1.72
HVN	0.95	0.78
LPB	0.82	2.29
ART	0.75	1.97
VGT	0.37	0.46

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research



We Create Fortune

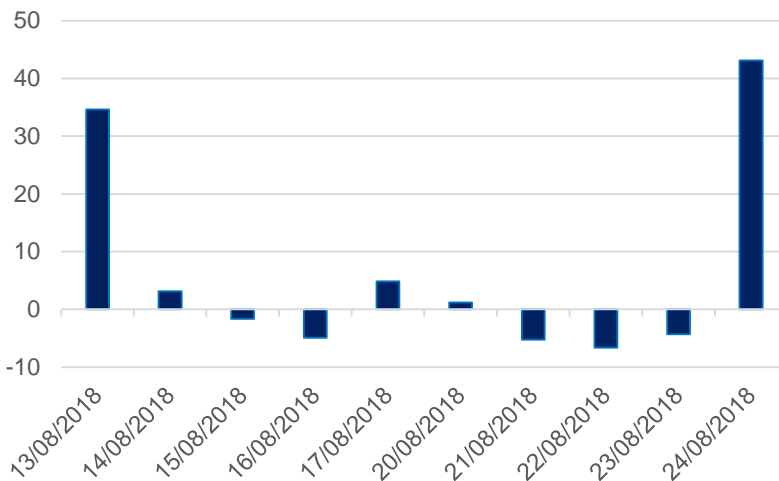
### Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
HPG	34,861	VIC	(62,665)
CTD	32,083	VHM	(28,520)
SBT	24,927	VCB	(23,504)
HDB	17,278	VRE	(14,785)
SAB	9,809	PLX	(6,960)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

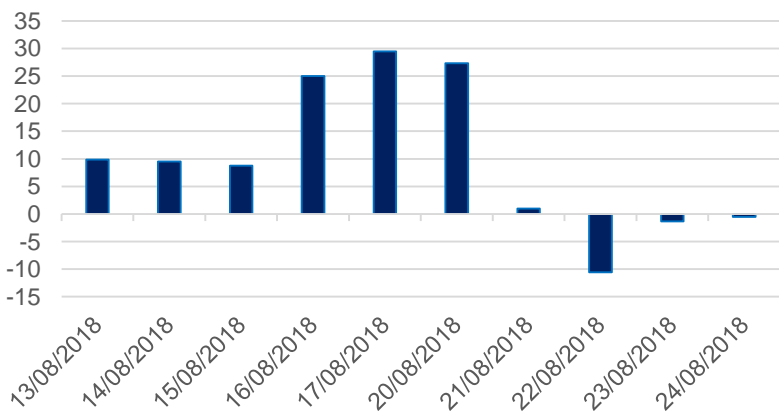
### Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
PVS	24,412	TNG	(902)
CEO	16,136	SHS	(635)
VCS	3,952	CSC	(499)
PIV	350	VNR	(242)
VGC	338	VTC	(185)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

### Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại Upcom



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
VEA	3,613	BSR	(4,812)
LPB	2,123	MCH	(2,454)
QNS	1,905	VGT	(1,633)
MSR	1,293	OIL	(1,430)
ACV	1,086	HVN	(947)

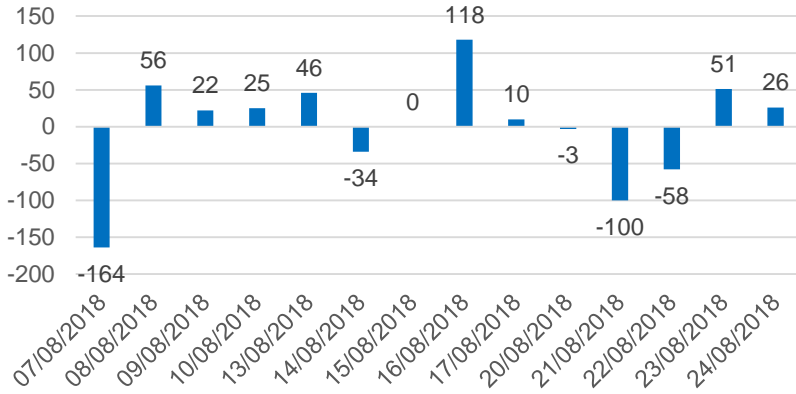
TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM



We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)

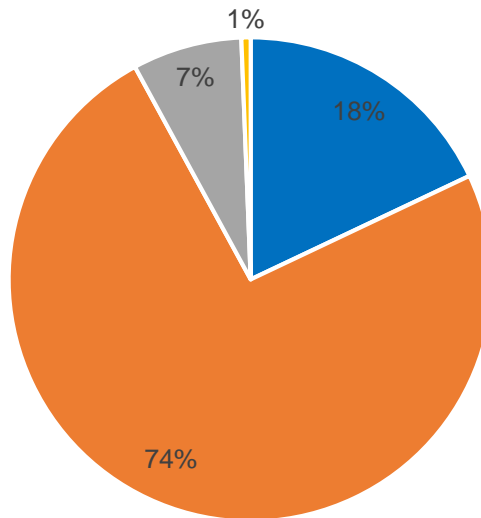


Mã CK	Giá trị đặt mua (triệu VND)	Mã CK	Giá trị đặt bán (triệu VND)
<b>VIC</b>	11,211	<b>PLX</b>	30,190
<b>MWG</b>	9,781	<b>VIC</b>	14,967
<b>HPG</b>	9,410	<b>MBB</b>	10,736
<b>VPB</b>	8,641	<b>CTD</b>	5,258
<b>E1VFN30</b>	8,226	<b>GEX</b>	3,039

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

## CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Cơ cấu nhà đầu tư trên sàn HSX



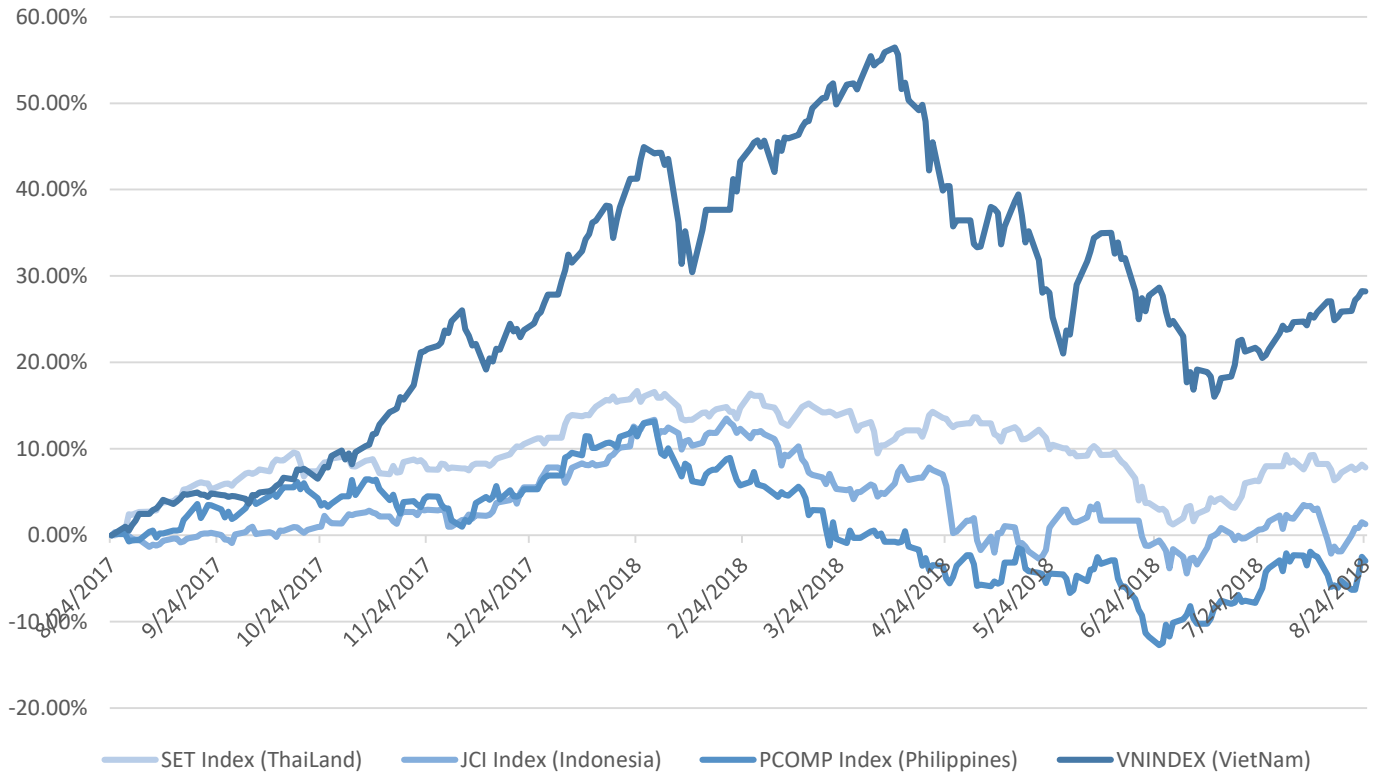
- Tổ chức nước ngoài
- Cá nhân trong nước
- Tổ chức trong nước
- Cá nhân nước ngoài

Nguồn: FiinPro – Yuanta Retail Research



We Create Fortune

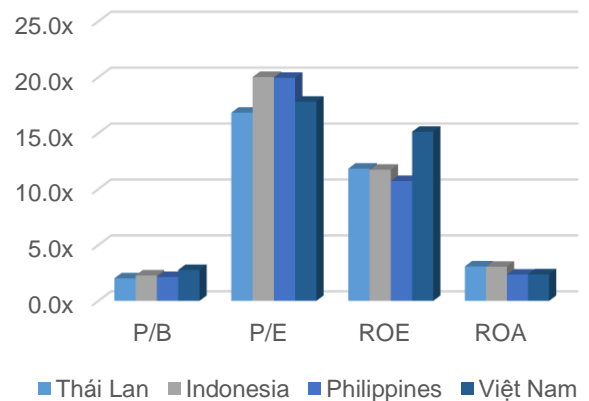
## Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		2.0x	2.3x	2.1x	2.8x
P/E		16.8x	20.0x	19.9x	17.8x
ROE	%	11.83	11.73	10.72	15.12
ROA	%	3.08	3.06	2.36	2.38
Vốn hóa	Tỷ USD	524.91	462.36	182.26	135.29
GTGD	Triệu USD	1.09	0.51	0.11	0.14
LS cổ tức	%	3.08	2.28	1.55	1.85

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research



■ Thái Lan ■ Indonesia ■ Philippines ■ Việt Nam



We Create **Fortune**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

### Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thế Minh**

**Giám đốc Nghiên cứu Phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuantan.com

**Quách Đức Khánh**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuantan.com

**Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng**

**Chuyên viên phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuantan.com

### Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thanh Tùng**

**Giám đốc Môi giới Hội Sở**

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuantan.com.vn

**Chung Kim Hoa**

**Giám đốc Khối khách hàng người Hoa**

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuantan.com.vn

**Phù Vĩnh Quế**

**Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn**

+84 28 3622 6868

que.phu@yuantan.com.vn

**Nguyễn Việt Quang**

**Giám đốc chi nhánh Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuantan.com.vn

**Võ Thị Thu Thủy**

**Giám đốc chi nhánh Bình Dương**

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuantan.com.vn

**Bùi Quốc Phong**

**Giám đốc chi nhánh Đồng Nai**

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuantan.com.vn



We Create **Fortune**

## Appendix A: Important Disclosures

### Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

### Ratings Definitions

**BUY:** We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

**HOLD-Outperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**HOLD-Underperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**SELL:** We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

**Under Review:** We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

**Restricted:** The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

### Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written